

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11-11-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Ông Nguyễn Văn Tèo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thuỳ T, sinh năm 1979. Vắng mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1972. Vắng mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2020 và trong quá trình làm việc, nguyên đơn bà Vũ Thuỳ T đã khai: Bà T và ông Lê Văn Đ tự nguyện chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 100/2016 ngày 03/10/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường hay gây gổ, ông Đ nhiều lần chửi mắng bà T; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù, bà T và ông Đ vẫn còn sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm, chăm

sóc lẫn nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn Đ.

- Về con chung: Bà T và ông Đ có một con chung tên Lê Phát T, sinh ngày 29/11/2015, hiện đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T cam kết vợ chồng không có nợ chung ai.

Bị đơn ông Lê Văn Đ đã khai: Về mối quan hệ hôn nhân ông Đ thừa nhận như lời trình bày của bà T. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong việc quản lý tiền bạc nên thường xuyên gây gổ; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông Đ cho rằng, mặc dù vợ chồng vẫn còn sống chung nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không đạt được mục đích của hôn nhân nên ông Đ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thủy T.

- Về con chung: Ông Đ và bà T có một con chung tên Lê Phát T, sinh ngày 29/11/2015, hiện đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, ông Đ đồng ý giao cháu T cho bà T nuôi dưỡng; ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Đ cam kết vợ chồng không có nợ chung ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng qui định. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Vũ Thủy T đối với ông Lê Văn Đ.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật, ông Đ không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Vũ Thuỳ T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa bà T và ông Lê Văn Đ, ông Đ có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết, bà T, ông Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng qui định.

[2] Về hôn nhân: Bà Vũ Thuỳ T và ông Lê Văn Đ kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 100/2016 ngày 03/10/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung, bà T và ông Đ đều thừa nhận có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải, hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho bà T và ông Đ hàn gắn, đoàn tụ nhưng ông Đ có đơn đề nghị hoà giải và xét xử vắng mặt, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Đ là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà T và ông Đ thống nhất có một con chung tên Lê Phát T, sinh ngày 29/11/2015 và thoả thuận giao cháu T cho bà T nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện và đảm bảo các điều kiện chăm sóc tốt cho con chung. Do đó, giao cháu T cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Đ thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật, ông Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thuỳ T đối với ông Lê Văn Đ. Bà T được ly hôn với ông Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Phát T, sinh ngày 29/11/2015 cho bà Vũ Thuỳ T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Đ thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vũ Thuỳ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0014431 ngày 09/10/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Ông Lê Văn Đ không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Vũ Thuỳ T và ông Lê Văn Đ có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu